TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2018/DS-ST
Ngày: 22/8/2018
V/v T/C đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Khởi**

2. Bà **Lưu Thị Tám**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Chánh –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22/8/2018 , tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 103/2018/TLST-DS ngày 28/5/2018 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-DS ngày 09/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST –DS, ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị D** (Năm P), sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Trước đây giữa bà D và bà T có tham gia hụi qua lại với nhau tại nhiều dây hụi, bà T còn nợ

của bà D tổng số tiền 114.740.000 đồng nhưng bà T không trả cho bà D. Bà D có khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vụ việc đã được giải quyết thì bà T thừa nhận còn nợ số nợ nêu trên và Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2017/QĐST-DS, ngày 06/01/2017, đến ngày 15/3/2017 bà T trả cho bà số tiền 83.015.000 đồng, số tiền còn lại là 31.725.000 đồng, giữa bà D và bà T tự thỏa thuận, lý do bà T cho rằng hụi chưa mãn, đến nay hụi đã mãn nhưng bà T không trả tiền cho bà.

Nay bà Phạm Thị D (Năm P) yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Dương Thị T trả cho bà số tiền còn nợ là 31.725.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Dương Thị T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của bà T.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc Tòa án thụ lý vụ án khi bị đơn không có mặt tại địa phương: Người khởi kiện là bà Phạm Thị D đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ được ghi trong quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà người bị kiện là bà Dương Thị T có nghĩa vụ đối với nguyên đơn bà Phạm Thị D. Nay người bị kiện là bà Dương Thị T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Biên bản xác minh ngày 29/5/2018 của Ban nhân dân Ấp A, xã B đã xác nhận: "Bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 27/1, Ấp 12, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; hiện nay bà T đã bỏ địa phương, đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, lâu lâu có thấy bà T về thăm nhà rồi lại đi tiếp, bà T có biết việc bà D khởi kiện bà T tại Tòa án, nhưng bà T cố tình trốn tránh trách nhiệm đối với việc thanh toán nợ cho bà D, do đó bà T không đến Tòa án để giải quyết nợ với bà D khi Tòa án mời bà T". Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc đơn khởi kiện của bà D đã được ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng bà T đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ các quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 195, Điều 196 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP thì sau khi bà D nộp tạm ứng án phí, ngày 28/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên toà, bị đơn bà Dương Thị T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2017/QĐST-DS ngày 06/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thể hiện: Nguyên đơn bà Phạm Thị D và bị đơn bà Dương Thị T thống nhất bà T có nợ của bà D số tiền 114.740.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho bà D số tiền 83.015.000 đồng vào ngày 15/3/2017. Số nợ còn lại là 31.725.000 đồng, bà D và bà T tự thỏa thuận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù theo Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không thể hiện bà T có nghĩa vụ thanh toán số nợ các bên tự thỏa thuận là 31.725.000 đồng nhưng đã ghi nhận bà T còn nợ bà D số nợ 31.725.000 đồng nêu trên. Từ ngày thụ lý vụ án cho đến nay, bà T không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T. Việc bà T thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho bà D biết đã thể hiện bà T cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Nay bà D cho rằng bà T chưa trả cho bà số nợ mà các bên tự thỏa thuận trong Quyết định là 31.725.000 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D, buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 31.725.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 31.725.000đ x 5% = 1.586.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D (Năm P), buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị D (Năm P) số tiền **31.725.000 đồng** (Ba mươi mốt triệu, bảy trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Phạm Thị D (Năm P) có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Dương Thị T còn phải trả lãi cho bà Phạm Thị D (Năm P) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là **1.586.000 đồng**, bà Dương Thị T phải chịu **1.586.000 đồng** (Một triệu, năm trăm, tám mươi sáu nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND- THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Lệ Thúy